

Số: 75/QĐ - GD

Hải Phòng, ngày 14 tháng 08 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Dịch vụ vận tải và Thương mại thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**

- Mã chứng khoán: TJC
- Địa chỉ: Số 5 lô 2B Khu đô thị mới Ngã 5 Sân bay Cát Bi, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng.
- Điện thoại liên hệ/Tel: 0225.3823351
- Email: hanhbuihong1978@gmail.com

Fax: 0225.3822155.

Website: www.transco.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên năm 2024

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không



+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 14/08/2024 tại đường dẫn: www.transco.com.vn

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong quý 1 năm 2024: không có giao dịch.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch:.....
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất);.....
- Ngày hoàn thành giao dịch:.....

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

<p>Tài liệu đính kèm:</p> <ul style="list-style-type: none">- BCTC.....- Văn bản giải trình	<p style="text-align: center;">Đại diện tổ chức Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)</p> <div style="text-align: center;"><p style="text-align: right;">GIÁM ĐỐC <i>Lê Tất Hưng</i></p></div>
---	--

20038759
CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ VẬN TẢI
VÀ THƯƠNG MẠI
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Số: 85 /2024/CV-KT

Hải Phòng, ngày 14 tháng 08 năm 2024

"V/v: : Giải trình chênh lệch hơn 10% LNST
cùng kỳ năm trước"

Kính gửi : - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại (Mã chứng khoán: TJC) xin giải trình nguyên nhân dẫn đến kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2024 chênh lệch hơn 10% so với cùng kỳ năm trước như sau:

Cùng kỳ năm trước hoạt động kinh doanh chính của Công ty là vận tải biển và khai thác 05 xe đầu kéo container, tuy nhiên do thị trường vận tải có nhiều khó khăn nên kết thúc 6 tháng đầu năm 2023 Công ty bị lỗ 4,25 tỷ đồng. Do đó Công ty đã bán thanh lý chiếc tàu biển cuối cùng vào cuối tháng 12/2023 và bán thanh lý toàn bộ đội xe đầu kéo container từ đầu tháng 2/2024. Bước sang năm 2024 hoạt động kinh doanh chính của Công ty là hoạt động cho thuê văn phòng tại trụ sở chính của Công ty. Chính vì vậy tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 6 tháng đầu năm 2024 bị sụt giảm mạnh, chỉ đạt 1,54 tỷ đồng, bằng 4,87% cùng kỳ năm trước. Nguồn tiền thu được từ bán tàu và bán đội xe đầu kéo container Công ty gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng, lãi thu được trong 6 tháng đầu năm 2024 là 4,02 tỷ đồng. Do đó kết thúc 6 tháng đầu năm 2024, tổng lợi nhuận kế toán sau thuế đạt 736 triệu đồng, trong khi cùng kỳ năm trước Công ty bị lỗ 4,25 tỷ đồng.

Trân trọng báo cáo!

Nơi nhận:

- Như k/g
- Lưu KT

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Lê Tất Hùng
GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024



Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 31

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0200387594 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 31 tháng 3 năm 2000, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX") với mã chứng khoán TJC theo Giấy Chứng nhận số 27/TTGDHN-ĐKGD do HNX cấp ngày 17 tháng 12 năm 2007.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là cung cấp các dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách trong và ngoài nước; dịch vụ đại lý tàu biển, môi giới và cung ứng tàu biển; cho thuê bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 5 Lô 2B Khu đô thị mới Ngã 5 Sân bay Cát Bi, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Phúc Tùng	Chủ tịch
Bà Phạm Thị Anh Thư	Phó Chủ tịch
Ông Lê Tất Hưng	Thành viên
Ông Tạ Mạnh Cường	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành Viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Vũ Thị Hậu	Trưởng ban
Ông Mai Trọng Tài	Thành viên
Bà Dương Thanh Hà	Thành viên

GIÁM ĐỐC

Giám đốc của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Tất Hưng.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo là Ông Lê Tất Hưng.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Lê Tất Hưng
Giám đốc

Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

Số tham chiếu: 13651090/68430524-LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại ("Công ty") được lập ngày 14 tháng 8 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 31, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

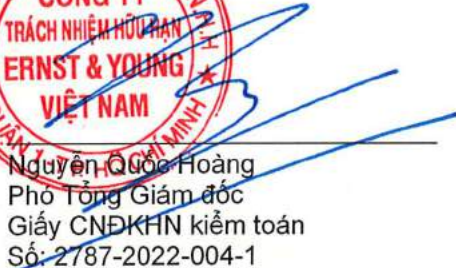
Các vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó vào ngày 8 tháng 3 năm 2024.

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 cũng đã được doanh nghiệp kiểm toán này soát xét và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính giữa niên độ đó vào ngày 11 tháng 8 năm 2023. Ngoài ra, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023, trình bày như số liệu so sánh, chưa được soát xét.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Nguyễn Quốc Hoàng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2787-2022-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		134.323.994.783	155.024.001.516
110	I. Tiền	4	3.838.563.856	17.141.970.723
111	1. Tiền		3.838.563.856	17.141.970.723
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		116.700.000.000	65.100.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	116.700.000.000	65.100.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.713.773.449	61.382.770.363
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	2.219.144.086	60.842.352.298
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		140.550.447	720.399.690
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.758.305.921	1.224.245.380
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(1.404.227.005)	(1.404.227.005)
140	IV. Hàng tồn kho		83.458.284	137.016.104
141	1. Hàng tồn kho		83.458.284	137.016.104
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		10.988.199.194	11.262.244.326
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		2.445.000	365.934.456
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	13	10.872.850.388	10.894.309.870
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	112.903.806	2.000.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		41.927.241.366	42.486.924.241
220	I. Tài sản cố định		7.255.296.000	11.586.301.728
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	-	4.331.005.728
222	Nguyên giá		1.426.453.067	7.625.854.357
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.426.453.067)	(3.294.848.629)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	7.255.296.000	7.255.296.000
228	Nguyên giá		7.310.296.000	7.310.296.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(55.000.000)	(55.000.000)
230	II. Bất động sản đầu tư	10	34.190.823.296	-
231	1. Nguyên giá		34.683.195.877	-
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(492.372.581)	-
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		-	30.122.311.313
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	30.122.311.313
260	IV. Tài sản dài hạn khác		481.122.070	778.311.200
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	481.122.070	778.311.200
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		176.251.236.149	197.510.925.757

Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải và Thương mại

B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.902.763.308	16.158.680.829
310	I. Nợ ngắn hạn		1.543.849.308	16.158.680.829
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	651.518.943	4.982.746.962
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	174.455.485	9.601.815.926
314	3. Phải trả người lao động		118.432.588	983.846.621
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		40.256.320	8.610.000
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	14	78.934.960	90.910.308
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15	480.251.012	490.751.012
330	II. Nợ dài hạn		358.914.000	-
337	1. Phải trả dài hạn khác	14	358.914.000	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		174.348.472.841	181.352.244.928
410	I. Vốn chủ sở hữu	16.1	174.348.472.841	181.352.244.928
411	1. Vốn cổ phần		86.000.000.000	86.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		86.000.000.000	86.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		5.007.985.000	5.007.985.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		11.496.562.246	11.496.562.246
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		71.843.925.595	78.847.697.682
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		71.107.697.682	38.822.794.756
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		736.227.913	40.024.902.926
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		176.251.236.149	197.510.925.757

Trần Thị Thanh Nhạn
Người lập/Kế toán trưởng



Le Tắt Hưng
Giám đốc

Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại

B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
10	1. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.1	1.548.993.547	31.782.598.663
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	18	(1.676.336.983)	(35.692.114.048)
20	3. Lỗ gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ		(127.343.436)	(3.909.515.385)
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	17.2	4.023.985.039	2.879.851.567
22	5. Chi phí tài chính		-	(32.842.279)
25	6. Chi phí bán hàng	19	-	(440.285.378)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	(2.676.260.829)	(2.756.182.531)
30	8. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		1.220.380.774	(4.258.974.006)
31	9. Thu nhập khác		630.000	188.639.335
32	10. Chi phí khác		(310.327.376)	(180.110.443)
40	11. (Lỗ) lợi nhuận khác		(309.697.376)	8.528.892
50	12. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế		910.683.398	(4.250.445.114)
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	21.1	(174.455.485)	(23.687.860)
60	14. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN		736.227.913	(4.274.132.974)
70	15. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	16.4	86	(497)
71	16. Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	16.4	86	(497)

Trần Thị Thanh Nhạn
Người lập/Kế toán trưởng



Lê Tất Hưng
Giám đốc

Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (chưa soát xét)
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế		910.683.398	(4.250.445.114)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình	8, 9, 10	556.949.677	3.687.832.710
03	Các khoản dự phòng		-	1.600.000.000
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(119.036.251)	(32.661.480)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(2.828.692.406)	(2.595.712.004)
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(1.480.095.582)	(1.590.985.888)
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		4.196.202.092	(1.823.113.312)
10	Giảm hàng tồn kho		53.557.820	3.965.679.353
11	Giảm các khoản phải trả		(3.911.059.797)	(4.689.652.694)
12	Tăng chi phí trả trước		660.678.586	1.079.651.840
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	(9.534.359.843)	(9.206.802.962)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(10.500.000)	(509.056.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(10.025.576.724)	(12.774.279.663)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(5.540.839.300)	(12.089.853.502)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		59.678.682.826	-
23	Tiền chi gửi tiết kiệm		(116.700.000.000)	(58.500.000.000)
24	Thu hồi tiền gửi tiết kiệm		65.100.000.000	60.200.000.000
27	Lãi tiền gửi được nhận		1.861.251.035	2.486.198.306
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		4.399.094.561	(7.903.655.196)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (chưa soát xét)
36	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH Cổ tức đã trả	16	(7.740.000.000)	(10.320.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(7.740.000.000)	(10.320.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(13.366.482.163)	(30.997.934.859)
60	Tiền đầu kỳ		17.141.970.723	53.758.605.295
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		63.075.296	41.287.325
70	Tiền cuối kỳ	4	3.838.563.856	22.801.957.761



Trần Thị Thanh Nhạn
Người lập/Kế toán trưởng



Lê Tất Hưng
Giám đốc

Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0200387594 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 31 tháng 3 năm 2000, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX") với mã chứng khoán TJC theo Giấy Chứng nhận số 27/TTGDHN-ĐKGD do HNX cấp ngày 17 tháng 12 năm 2007.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là cung cấp các dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách trong và ngoài nước; dịch vụ đại lý tàu biển, môi giới và cung ứng tàu biển; cho thuê bất động sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 5 Lô 2B Khu đô thị mới Ngã 5 Sân bay Cát Bi, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 11 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 29 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung .

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Hàng hóa, phụ tùng thay thế, và công cụ, dụng cụ - chi phí mua thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Phương tiện vận tải	6 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm

Quyền sử dụng đất lâu dài thì không được trích hao mòn.

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa	50 năm
---------	--------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trong kỳ thanh lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Bất động sản đầu tư (tiếp theo)

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm chi phí xây dựng nhà máy, chi phí lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao cho đến khi các tài sản liên quan được hoàn thiện và đưa vào sử dụng.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.11 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.18 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Tiền mặt	90.689.949	47.746.591
Tiền gửi ngân hàng	3.747.873.907	17.094.224.132
TỔNG CỘNG	<u>3.838.563.856</u>	<u>17.141.970.723</u>

5. ĐÀU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	<u>116.700.000.000</u>	<u>65.100.000.000</u>

(*) Đây là các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại có thời hạn gốc sáu (6) tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất dao động từ 4,05%/năm đến 5,1%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải thu bên thứ ba	2.065.794.985	60.704.427.409
<i>Woongji Shipping Co., Ltd</i>	1.350.033.330	1.312.681.005
<i>Công ty TNHH Khải Thừa Việt Nam</i>	600.070.000	604.670.000
<i>Ima International Shipping S.A.</i>	-	57.117.134.404
<i>Khác</i>	115.691.655	1.669.942.000
Phải thu bên liên quan (<i>Thuyết minh số 22</i>)	153.349.101	137.924.889
TỔNG CỘNG	2.219.144.086	60.842.352.298
Dự phòng phải thu khách hàng khó đòi	(1.404.227.005)	(1.404.227.005)
GIÁ TRỊ THUẦN	814.917.081	59.438.125.293

Tình hình (tăng) giảm dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi như sau:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	(1.404.227.005)	(1.017.308.645)

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Lãi tiền gửi	1.688.944.111	721.502.740
Tạm ứng	69.361.810	247.399.722
Khác	-	255.342.918
TỔNG CỘNG	1.758.305.921	1.224.245.380

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND		
	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	7.590.444.926	35.409.431	7.625.854.357
Thanh lý	<u>(6.199.401.290)</u>	<u>-</u>	<u>(6.199.401.290)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>1.391.043.636</u>	<u>35.409.431</u>	<u>1.426.453.067</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết</i>	1.391.043.636	35.409.431	1.426.453.067
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	(3.259.439.198)	(35.409.431)	(3.294.848.629)
Khấu hao trong kỳ	(64.577.096)	-	(64.577.096)
Thanh lý	<u>1.932.972.658</u>	<u>-</u>	<u>1.932.972.658</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>(1.391.043.636)</u>	<u>(35.409.431)</u>	<u>(1.426.453.067)</u>
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>4.331.005.728</u>	<u>-</u>	<u>4.331.005.728</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm kế toán</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2024	7.255.296.000	55.000.000	7.310.296.000
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết:</i>	-	55.000.000	55.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>-</u>	<u>(55.000.000)</u>	<u>(55.000.000)</u>
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>7.255.296.000</u>	<u>-</u>	<u>7.255.296.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

VND

Tòa nhà văn phòng

Nguyên giá:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	-
Mua mới	4.560.884.564
Đầu tư xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành	<u>30.122.311.313</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>34.683.195.877</u>

Giá trị khấu hao lũy kế:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	-
Khấu hao trong kỳ	<u>(492.372.581)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>(492.372.581)</u>

Giá trị còn lại:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u><u>34.190.823.296</u></u>

Đây là tòa nhà văn phòng tại thửa đất số 5 lô 2B Khu đô thị mới ngã 5 Sân bay Cát Bi, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tuy nhiên, Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ sách kế toán dựa trên giá trị thị trường của bất động sản đầu tư.

Doanh thu liên quan đến bất động sản đầu tư:

	VND	VND
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Thu nhập từ cho thuê bất động sản đầu tư	<u>594.199.007</u>	-

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

VND

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Công cụ, dụng cụ	<u>481.122.070</u>	<u>778.311.200</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Atiko Trans, Inc	206.903.786	198.508.326
Cty TNHH Đầu tư và Xây dựng Hải Lộc	124.112.670	472.539.960
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng và Phòng cháy Chữa cháy Hải An	101.640.936	101.640.936
Cebu Asiana Logistics, Inc	82.462.281	79.116.239
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Công trình Xây dựng Hải Phòng	75.617.711	-
Khác	60.781.559	4.130.941.501
TỔNG CỘNG	651.518.943	4.982.746.962

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2024
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	10.894.309.870	458.121.300	(479.580.782)	10.872.850.388
Thuế thu nhập cá nhân	-	112.903.806	-	112.903.806
Khác	2.000.000	-	(2.000.000)	-
TỔNG CỘNG	10.896.309.870	571.025.106	(481.580.782)	10.985.754.194
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.534.359.843	174.455.485	(9.534.359.843)	174.455.485
Thuế thu nhập cá nhân	67.456.083	76.380.985	(143.837.068)	-
Thuế giá trị gia tăng	-	479.580.782	(479.580.782)	-
Khác	-	459.709.751	(459.709.751)	-
TỔNG CỘNG	9.601.815.926	1.190.127.003	(10.617.487.444)	174.455.485

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngắn hạn	78.934.960	90.910.308
Bảo hiểm xã hội	2.698.364	34.263.316
Khác	76.236.596	56.646.992
Dài hạn	358.914.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược	358.914.000	-
TỔNG CỘNG	437.848.960	90.910.308
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên khác</i>	322.648.960	90.910.308
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 22)</i>	115.200.000	-

15. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Số đầu kỳ	490.751.012	1.044.242.187
Trích lập	-	846.976.225
Sử dụng quỹ	(10.500.000)	(509.056.000)
Số cuối kỳ	<u>480.251.012</u>	<u>1.382.162.412</u>

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	86.000.000.000	5.007.985.000	9.028.443.507	-	52.457.889.720	152.494.318.227
Trích quỹ	-	-	2.468.118.739	846.976.225	(3.315.094.964)	-
Sử dụng quỹ	-	-	-	(846.976.225)	-	(846.976.225)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(10.320.000.000)	(10.320.000.000)
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	-	(4.274.132.974)	(4.274.132.974)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	86.000.000.000	5.007.985.000	11.496.562.246	-	34.548.661.782	137.053.209.028
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	86.000.000.000	5.007.985.000	11.496.562.246	-	78.847.697.682	181.352.244.928
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(7.740.000.000)	(7.740.000.000)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	736.227.913	736.227.913
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	86.000.000.000	5.007.985.000	11.496.562.246	-	71.843.925.595	174.348.472.841

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Vốn đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	<u>86.000.000.000</u>	<u>86.000.000.000</u>
Cổ tức đã công bố và đã trả trong kỳ	7.740.000.000	10.320.000.000

16.3 Cổ phiếu

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Cổ phiếu đăng ký phát hành	8.600.000	8.600.000
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	8.600.000	8.600.000
Cổ phiếu phổ thông	8.600.000	8.600.000
Cổ phiếu đang lưu hành	8.600.000	8.600.000
Cổ phiếu phổ thông	8.600.000	8.600.000

16.4 Lãi trên cổ phiếu

Công ty sử dụng các thông tin sau đây để tính lợi nhuận (lỗ) cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Lợi nhuận (lỗ) thuần sau thuế phân bổ cho cổ đồng sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND)	736.227.913	(4.274.132.974)
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	8.600.000	8.600.000
Lãi (lỗ) cơ bản (VND/cổ phiếu)	86	(497)
Lãi (lỗ) suy giảm (VND/cổ phiếu)	86	(497)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. DOANH THU

17.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Doanh thu hoạt động vận tải	899.240.000	3.203.659.365
Doanh thu từ cho thuê	594.199.007	-
Doanh thu bán hàng hóa	55.554.540	-
Doanh thu cước phí vận chuyển nước ngoài	-	28.578.939.298
DOANH THU THUẦN	1.548.993.547	31.782.598.663
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên khác</i>	821.283.816	31.513.545.026
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 22)</i>	727.709.731	269.053.637

17.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Lãi tiền gửi	2.828.692.406	2.595.712.004
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.195.292.633	284.139.563
TỔNG CỘNG	4.023.985.039	2.879.851.567

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Giá vốn hoạt động vận tải	850.426.512	3.230.245.664
Giá vốn hoạt động cho thuê	772.352.651	-
Giá vốn của hàng hóa đã bán	53.557.820	-
Giá vốn của cước phí vận chuyển nước ngoài	-	32.461.868.384
TỔNG CỘNG	1.676.336.983	35.692.114.048

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
		VND
Chi phí bán hàng	-	440.285.378
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	-	440.285.378
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.676.260.829	2.756.182.531
Chi phí nhân công	2.012.643.102	1.949.400.964
Chi phí dịch vụ mua ngoài	290.096.339	514.308.056
Chi phí khấu hao tài sản cố định	73.746.677	9.166.668
Chi phí khác	299.774.711	283.306.843
TỔNG CỘNG	<u>2.676.260.829</u>	<u>3.196.467.909</u>

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
		VND
Chi phí nhân công	2.167.074.952	7.289.020.710
Chi phí dịch vụ mua ngoài	968.710.539	8.852.881.952
Chi phí khấu hao tài sản cố định (Thuyết minh số 8, 9, 10)	556.949.677	3.687.832.710
Chi phí nguyên vật liệu	294.597.273	18.349.970.683
Chi phí khác	365.265.371	708.875.902
TỔNG CỘNG	<u>4.352.597.812</u>	<u>38.888.581.957</u>

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất 20% thu nhập chịu thuế.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

21.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
		VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>174.455.485</u>	<u>23.687.860</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

21.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	910.683.398	(4.250.445.114)
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	182.136.680	(850.089.023)
<i>Các khoản điều chỉnh</i>		
Chi phí không được trừ	17.226.329	9.458.506
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	23.687.860
Lỗ thuế vẫn chưa được ghi nhận là tài sản thuế hoãn lại	-	1.347.364.821
Khác	(24.907.524)	(506.734.304)
Chi phí thuế TNDN	174.455.485	23.687.860

21.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách bên liên quan với Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau:

<i>Mối quan hệ</i>	<i>Bên liên quan</i>
Công ty Cổ phần Transimex ("Transimex")	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Transimex Shipping ("Transimex Shipping")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vinafreight ("Vinafreight")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Liên doanh TNHH Nippon Express (Việt Nam) ("Nippon Express")	Công ty liên kết của công ty mẹ
Ông Lê Phúc Tùng	Chủ tịch HĐQT
Bà Phạm Thị Anh Thư	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Tất Hưng	Thành viên HĐQT, Giám đốc
Ông Tạ Mạnh Cường	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên HĐQT
Bà Vũ Thị Hậu	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Mai Trọng Tài	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Dương Thanh Hà	Thành viên Ban Kiểm soát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Transimex	Thanh lý tài sản cố định	4.266.428.632	-
	Chia cổ tức	4.182.984.000	-
	Cung cấp dịch vụ	562.437.592	189.003.637
	Nhận đặt cọc	115.200.000	-
	Cung cấp hàng hóa	55.554.540	-
Transimex Shipping	Cung cấp dịch vụ	73.793.904	-
Vinafreight	Cung cấp dịch vụ	27.423.695	-
Nippon Express	Cung cấp dịch vụ	8.500.000	80.050.000

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
<i>Phải thu khách hàng ngắn hạn</i>			
Transimex	Cung cấp dịch vụ	118.383.084	128.626.089
Vinafreight	Cung cấp dịch vụ	30.036.499	-
Transimex Shipping	Cung cấp dịch vụ	4.929.518	-
Nippon Express	Cung cấp dịch vụ	-	9.298.800
		<u>153.349.101</u>	<u>137.924.889</u>
<i>Phải trả dài hạn khác</i>			
Transimex	Nhận đặt cọc	<u>115.200.000</u>	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Giám đốc và Ban Kiểm soát ("BKS") trong kỳ như sau:

Tên	Chức vụ	VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Ông Lê Phúc Tùng	Chủ tịch HĐQT	30.000.000	-
Bà Phạm Thị Anh Thư	Phó chủ tịch HĐQT	18.000.000	9.000.000
Ông Lê Tất Hưng	Thành viên HĐQT, Giám đốc	360.411.018	509.500.000
Ông Tạ Mạnh Cường	Thành viên HĐQT	18.000.000	9.000.000
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên HĐQT	18.000.000	-
Ông Vương Ngọc Sơn	Thành viên HĐQT (đến ngày 25 tháng 4 năm 2023)	-	9.000.000
Ông Nguyễn Bảo Trung	Thành viên HĐQT (đến ngày 25 tháng 4 năm 2023)	-	9.000.000
Ông Trần Trọng Tâm	Thành viên Ban Giám đốc (đến ngày 30 tháng 6 năm 2023)	-	337.560.000
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên Ban Giám đốc (đến ngày 31 tháng 7 năm 2023)	-	263.800.000
Ông Phạm Duy Văn	Thành viên Ban Giám đốc (đến ngày 25 tháng 4 năm 2023)	-	370.300.000
Bà Vũ Thị Hậu	Thành viên BKS	18.000.000	-
Bà Dương Thanh Hà	Thành viên BKS	15.000.000	-
Ông Mai Trọng Tài	Thành viên BKS	15.000.000	4.500.000
Bà Trần Thị Kim Lan	Thành viên BKS (đến ngày 25 tháng 4 năm 2023)	18.000.000	-
Ông Lê Hồng Quang	Thành viên BKS (đến ngày 25 tháng 4 năm 2023)	15.000.000	4.500.000
		525.411.018	1.526.160.000

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. THÔNG TIN BỘ PHẬN

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận (lỗ) và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Cho thuê	Kinh doanh dịch vụ	Cước phí vận chuyển nước ngoài	Tổng cộng
				VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024				
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	594.199.007	954.794.540	-	1.548.993.547
Doanh thu bộ phận	594.199.007	954.794.540	-	1.548.993.547
Chi phí bộ phận (Lỗ) lợi nhuận trước thuế của bộ phận	(772.352.651) (178.153.644)	(903.984.332) 50.810.208	- -	(1.676.336.983) (127.343.436) (2.676.260.829)
Chi phí không phân bổ				(309.697.376)
Chi phí khác				4.023.985.039
Thu nhập tài chính				
Lợi nhuận thuần trước thuế				910.683.398
Chi phí thuế TNDN				(174.455.485)
Lợi nhuận sau thuế				736.227.913
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024				
Tài sản và công nợ				176.251.236.149
Tài sản không phân bổ				
Công nợ không phân bổ				1.902.763.308

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. THÔNG TIN BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận (lỗ) và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau: (tiếp theo)

	Cho thuê	Kinh doanh dịch vụ	Cước phí vận chuyển nước ngoài	VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023				
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	-	3.203.659.365	28.578.939.298	31.782.598.663
Doanh thu bộ phận	-	3.203.659.365	28.578.939.298	31.782.598.663
Chi phí bộ phận	-	(3.230.245.664)	(32.461.868.384)	(35.692.114.048)
Lỗ trước thuế của bộ phận	-	(26.586.299)	(3.882.929.086)	(3.909.515.385)
Chi phí không phân bổ				(3.196.467.909)
Thu nhập tài chính				2.847.009.288
Thu nhập khác				8.528.892
Lỗ thuần trước thuế				(4.250.445.114)
Chi phí thuế TNDN				(23.687.860)
Lỗ sau thuế				(4.274.132.974)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023				
Tài sản và công nợ				145.434.918.508
Tài sản không phân bổ				
Công nợ không phân bổ				8.381.709.480

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. SỰ KIẾN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.



Trần Thị Thanh Nhạn
Người lập/Kế toán trưởng



Le Tấn Hưng
Giám đốc

Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

